

QUYẾT ĐỊNH

Chương trình quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-BTNMT ngày 18/7/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quan trắc tài nguyên nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-BTNMT ngày 19/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quan trắc và điều tra khảo sát xâm nhập mặn;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3532/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở và Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định chương trình quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2024, gồm các nội dung sau đây:

1. Mục tiêu quan trắc

Theo dõi và báo cáo kịp thời diễn biến các thành phần môi trường và tài nguyên nước cơ bản trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở để đánh giá hiện trạng tài nguyên và môi trường, cung cấp số liệu, dữ liệu cho các cơ quan quản lý xây dựng kế hoạch bảo vệ tài nguyên, môi trường hàng năm và dài hạn;

2. Đối tượng quan trắc

- Quan trắc tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất.

- Quan trắc môi trường nước mặt (sông, hồ), môi trường nước dưới đất, môi trường nước biển ven bờ, nước thải đô thị, môi trường không khí xung quanh - độ rung - tiếng ồn, môi trường đất, trầm tích.

3. Nội dung quan trắc

a) Điểm quan trắc

- Quan trắc tài nguyên nước mặt: 08 điểm (lồng ghép các trạm thủy văn).
- Quan trắc tài nguyên nước dưới đất: 08 điểm (lồng ghép quan trắc môi trường).
- Quan trắc môi trường nước sông: 36 điểm (lồng ghép 03 trạm quan trắc tự động)
- Quan trắc xâm nhập mặn: 14 điểm.
- Quan trắc môi trường nước hồ: 15 điểm.
- Quan trắc môi trường nước biển ven bờ: 9 điểm.
- Quan trắc môi trường nước dưới đất: 30 điểm.
- Quan trắc nước thải đô thị: 12 điểm.
- Quan trắc môi trường không khí xung quanh - độ rung - tiếng ồn: 26 điểm (lồng ghép 3 trạm quan trắc tự động)
- Quan trắc môi trường đất: 21 điểm.
- Quan trắc trầm tích: 11 điểm.
- Trạm quan trắc cố định: 01 trạm (Trạm quan trắc môi trường khu kinh tế Đông Nam)

(Vị trí cụ thể theo Quyết định số 3532/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh, riêng điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất giảm 03 điểm tại khu vực xã Hải An, huyện Hải Lăng, khu vực xã Triệu Nguyên huyện Đakrông, khu vực Thị trấn Lao Bảo huyện Hướng Hóa do giếng quan trắc tại các vị trí này chưa được đầu tư và xây dựng).

b) Tần suất quan trắc

- Quan trắc tài nguyên nước mặt: 2 đợt/năm (mùa khô và mùa mưa).
- Quan trắc tài nguyên nước dưới đất: 2 đợt/năm (05 lần/tháng mùa khô và 10 lần/tháng mùa mưa).
- Quan trắc môi trường nước sông, hồ (quan trắc không liên tục): 10 đợt/năm.
- Quan trắc xâm nhập mặn: 1 đợt/tuần (từ tháng 3 đến tháng 8).
- Quan trắc môi trường nước biển ven bờ (quan trắc không liên tục, 02 mẫu/điểm tại mỗi đợt (chân triều và đỉnh triều biên độ lớn)): 06 đợt/năm.
- Quan trắc môi trường nước dưới đất: 4 đợt/năm.
- Quan trắc môi trường không khí xung quanh - độ rung-tiếng ồn (đối với quan trắc không liên tục): 06 đợt/năm. Riêng thông số bụi PM₁₀ thực hiện 2 đợt/năm.
- Quan trắc môi trường đất: 02 đợt/năm.
- Quan trắc nước thải đô thị: 02 đợt/ năm (mùa khô và mùa mưa).
- Quan trắc trầm tích: 02 đợt/năm.
- Quan trắc nước mưa: Theo trận mưa hoặc theo ngày, hoặc theo tuần.

c) Thời gian quan trắc:

Chi tiết tại Phụ lục kèm theo QĐ.

d). Thông số quan trắc

- Quan trắc tài nguyên nước mặt: Mục nước, lưu lượng (lồng ghép với quan trắc môi trường).

- Quan trắc tài nguyên nước dưới đất (đối với các giếng quan trắc): Mục nước, nhiệt độ, chiều sâu giếng (lồng ghép với quan trắc môi trường).

- Quan trắc môi trường nước sông, hồ (quan trắc không liên tục) (29 thông số): Nhiệt độ, pH, TDS, độ mặn (tại các điểm quan trắc xâm nhập mặn), TSS, DO, BOD₅, COD, TOC, N-NO₂⁻, N-NO₃⁻, tổng N, N-NH₄⁺, P-PO₄³⁻, tổng P, dầu mỡ khoáng, E.coli, Coliform, Chlorophyll a, Fe, Mn, Pb, As, Cr(VI), Cd, Hg, Zn, Cu, Ni.

- Quan trắc môi trường nước dưới đất (20 thông số): Nhiệt độ, pH, TDS, độ đục, chỉ số pemanganat, độ cứng, N-NH₄⁺, N-NO₂⁻, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, SO₄²⁻, F⁻, Fe, Mn, Cr (VI), As, coliform, E.coli, hóa chất BVTV nhóm clo hữu cơ, Hóa chất BVTV nhóm lân hữu cơ.

- Quan trắc môi trường nước biển ven bờ (quan trắc không liên tục) (26 thông số): Nhiệt độ, độ trong, độ mặn, pH, TSS, DO, BOD₅, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, Clorophyll-a, tổng N, tổng P, CN⁻, tổng dầu mỡ khoáng, tổng phenol, Fe, Mn, Ni, Cr (VI), F⁻, Cu, Zn, Pb, Cd, Hg.

- Quan trắc môi trường không khí xung quanh - độ rung - tiếng ồn (12 thông số): Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, hướng gió), độ rung, tổng bụi lơ lửng, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂, bụi PM₁₀, O₃.

- Quan trắc môi trường đất (26 thông số): Thành phần cơ giới, dung trọng, pH_{KCl}, CEC, OM tổng số, N tổng số, P₂O₅ tổng số, K₂O tổng số, nitơ dễ tiêu, photpho dễ tiêu, kali dễ tiêu, tổng số muối tan, Ca trao đổi, Mg trao đổi, Fe di động, Fe tổng số, clorua trao đổi, Cd, Zn, As, Cu, Pb, Hg, tổng Crom, hóa chất BVTV clo hữu cơ, hóa chất BVTV photpho hữu cơ.

- Quan trắc nước thải đô thị (13 thông số): Nhiệt độ, pH, TDS, TSS, BOD₅, COD, N-NH₄⁺, P-PO₄³⁻, tổng P, tổng N, tổng dầu mỡ, coliform, tổng các chất hoạt động bề mặt.

- Quan trắc trầm tích (10 thông số): Fe, Al, Ni, As, Pb, Cd, Zn, Hg, tổng Crom (Cr), Cu.

e) Lồng ghép quan trắc

Lồng ghép quan trắc tài nguyên với quan trắc môi trường:

- Quan trắc tài nguyên nước mặt: tại 08 điểm, trong đó có 06 điểm lồng ghép với quan trắc chất lượng môi trường.

- Quan trắc tài nguyên nước dưới đất: tại 08 điểm lồng ghép với quan trắc chất lượng môi trường.

f) Mẫu kiểm soát chất lượng

- Môi trường nước sông: 04 mẫu QC/đợt;

- Môi trường nước hồ: 02 mẫu QC/đợt;
- Môi trường nước biển ven bờ: 02 mẫu QC/đợt (điểm tác động);
- Môi trường nước dưới đất: 03 mẫu QC/đợt;
- Môi trường không khí: 03 mẫu QC/đợt (điểm tác động);
- Môi trường đất: 02 mẫu QC/đợt;
- Nước thải đô thị: 01 mẫu QC/đợt;
- Trầm tích: 01 mẫu QC/đợt.
- Quan trắc xâm nhập mặn: 03 mẫu QC/đợt.

4. Sản phẩm, yêu cầu nội dung của sản phẩm và thời gian giao nộp

- Văn bản tổng hợp, công bố kết quả quan trắc (*để gửi cơ quan thông tấn báo chí công khai, công bố*): Trong vòng 7 ngày sau khi kết thúc đợt quan trắc đối với mẫu không khí; trong vòng 10 ngày sau khi kết thúc đợt quan trắc đối với mẫu nước và trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc đợt quan trắc đối với mẫu trầm tích.

- Bảng tổng hợp kết quả sau mỗi đợt quan trắc: 01 bộ/đợt, trong thời gian 15 ngày sau khi kết thúc đợt quan trắc. Riêng đối với quan trắc xâm nhập mặn báo cáo kết quả bằng văn bản sau mỗi ngày quan trắc.

- Báo cáo tóm tắt kết quả quan trắc tài nguyên và môi trường quý 1, quý 2 và quý 3: 01 bộ/quý, giao nộp trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc đợt quan trắc cuối cùng của Quý.

- Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị: 03 bộ/năm, nộp sản phẩm và trình nghiệm thu trước ngày 15/12 hàng năm.

- Báo cáo chuyên đề kết quả quan trắc xâm nhập mặn: 03 bộ/năm.

- Phiếu kết quả thử nghiệm, biên bản hiện trường: 02 bộ/năm (lập danh mục theo từng đối tượng, thời gian quan trắc).

- USB lưu sản phẩm: 01 cái.

Ghi chú: Nội dung tổng hợp số liệu theo đợt và báo cáo tổng hợp theo Quý, Năm phải kèm theo đánh giá chất lượng và cảnh báo nguy cơ ô nhiễm khi có dấu hiệu bất thường và xác định nguyên nhân của nguy cơ (*nếu có*).

Điều 2. Phân công trách nhiệm

a. Giao Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán thực hiện; lập kế hoạch quan trắc hàng tháng gửi Chi cục Bảo vệ môi trường và phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện muộn nhất 05 ngày trước mỗi đợt quan trắc để các đơn vị cử cán bộ phối hợp thực hiện;

- Trực tiếp báo cáo kết quả quan trắc theo đợt, Quý và năm trước Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường tuân thủ theo đúng thời gian yêu cầu tại Mục 4, Điều 1.

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước UBND tỉnh, Lãnh đạo Sở về kết quả quan trắc; trực tiếp phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí để đăng tải (công bố) thông tin về kết quả quan trắc hàng tháng trên Đài Phát thanh – Truyền hình

tỉnh, Báo Quảng Trị; phối hợp với Văn phòng Sở để đăng tải (công bố) kết quả quan trắc hàng tháng trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị; Thời gian công bố Báo cáo Lãnh đạo Sở (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường) về kết quả công bố thông tin.

Đối với quan trắc xâm nhập mặn, báo cáo tổng hợp theo đợt hoặc đợt xuất theo ngày (nếu có dấu hiệu bất thường) trực tiếp tới UBND tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường để kịp thời xử lý;

- Thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

b. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường có trách nhiệm:

- Cử cán bộ phối hợp, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện hoạt động quan trắc theo vị trí, tần suất, chỉ tiêu được nêu tại Mục 3, Điều 1 và thời gian quan trắc nêu tại Phụ lục.

- Theo dõi tình hình thực hiện các báo cáo và công khai thông tin theo đợt, Quý và năm của Trung tâm. Kịp thời báo cáo Lãnh đạo Sở khi có vướng mắc trong quá trình phối hợp.

c. Giao Văn phòng Sở phối hợp đăng tải (công bố) kết quả quan trắc tài nguyên và môi trường hàng tháng trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Giám đốc Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường và Trưởng phòng các phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (p/h);
- GD, các PGD;
- Phòng BHD&KTTV;
- Phòng Khoáng sản – Nước;
- Phòng Quản lý Đất đai;
- Lưu: VT, CCBVMT

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Nam

PHỤ LỤC: THỜI GIAN QUAN TRẮC

(Kèm theo Quyết định số: *A40* /QĐ-STNMT ngày *M* tháng *01* năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Tháng quan trắc	Các thành phần môi trường								Chất thải	Tài nguyên		Trầm tích
	Biển	Sông, hồ	Xâm nhập mặn	Nước dưới đất	Không khí	Môi trường đất	Nước thải đô thị	Nước mặt		Nước dưới đất		
1	X	X		X								
2					X	X						
3	X	X	X									X
4		X	X	X	X				X			
5	X	X	X						X			
6	X	X	X		X							
7		X	X		X							
8	X	X	X	X				X				X
9		X			X							
10	X	X		X					X	X		
11		X			X							